TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2022/DS-ST
Ngày: 21/9/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Huệ**

Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Kim Tân**

Ông **Nguyễn Văn Hiếu.**

Thư ký phiên toà: Ông **Đỗ Văn Thiêm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 61/2022/TLST-DS, ngày 29/3/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Vũ Văn Đ**, sinh năm: 1951

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Xuân T, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đức Đ1**, sinh năm 1954. (Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 3 năm 2022).

Địa chỉ: Khu Phố 3, phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết L**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện Xuân Lộc, Đồng Nai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Đỗ Thanh T**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện Xuân Lộc, Đồng Nai.

(*Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Đức Đ1 trình bày:

Do là chỗ thân quen với nhau nên từ ngày 22/3/2021 đến ngày 15/5/2021 theo đề nghị của bà Nguyễn Thị Tuyết L thì ông Vũ Văn Đ đã cho bà L vay mượn lần 1 số tiền là 233.000.000 đ (*hai trăm ba mươi ba triệu đồng*) vào ngày 22/3/2021 và lần hai với số tiền 514.000.000 đ (*năm trăm mười bốn triệu đồng*) vào ngày 15/5/2021, cộng chung là 747.000.000 đ (*bảy trăm bốn mươi bảy triệu đồng*), lãi suất vay theo thỏa thuận, thời hạn vay trả dần trong ba tháng, thông qua giấy tay vay nợ do bà Tuyết L tự viết, ký tên và cam kết. Mục đích vay tiền là để mua cám chăn nuôi heo.

Để tạo lòng tin với ông Đ, bà L đã giao cho ông Đ một bản phô tô copy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất mang số BU.155013 vào sổ cấp GCN.CS 05485 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/11/2015 cập nhật thay đổi ngày 16/12/2015 đứng tên ông Đỗ Thanh T, bà Nguyễn Thị Tuyết L đối với thửa đất số 248, TBĐ số 19 xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai với diện tích 532,4 m^2 đất trồng cây lâu năm.

Đến hạn ông Đ đã đi lại nhiều lần để đòi lại số tiền nợ gốc và lãi vay như đã cam kết nhưng bà L khất hẹn nợ và né tránh việc thanh toán nợ vay. Mặc dù đã bán heo xuất chuồng nhiều lần vào cuối năm 2021, nhưng chưa trả được nợ vay gốc cùng lãi cho ông Đ. Nay ông Đ yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Tuyết L, ông Đỗ Thanh T liên đới thanh toán cho ông Đ số tiền nợ gốc 747.000.000 đ (*bảy trăm bốn mươi bảy triệu đồng*) và tiền lãi suất là 10%/ năm tính từ ngày 15/8/2021 cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh T vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày*

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: ông Vũ Văn Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết L trả cho ông số tiền là 747.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi suất. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quy

định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L có nơi cư trú tại ấp Hòa Bình, xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

[3] Về tư cách tố tụng của đương sự trong vụ án: ông Vũ Văn Đ có đơn khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Tuyết L nên Tòa án xác định ông Đ là nguyên đơn, bà L là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc giải quyết vụ án có liên quan đến ông Đỗ Thanh T (chồng bà L) nên xác định ông T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Hai bên thỏa thuận tại giấy mượn nợ vào các ngày 22/3/2021 và 15//5/2021 là số tiền gốc 747.000.000 đồng. Do đó, ngày 09/3/2022, ông Đ nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 154 và Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về thủ tục tố tụng:

Theo Biên bản xác minh tại Công an xã B, huyện Xuân Lộc thì bà Nguyễn Thị Tuyết L và ông Đỗ Thanh T đăng ký thường trú và sinh sống tại ấp H, xã B, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhưng bà L, ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Đ Đạt có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Đạt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[6.1] Xét yêu cầu trả nợ gốc của ông Đ: Vào các ngày 22/3/2021 và 15/5/2022 bà Nguyễn Thị Tuyết L có viết giấy tay vay ông Vũ Văn Đ tổng số tiền 747.000.000 đồng. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông Đ cung cấp giấy mượn nợ ngày 22/3/2021 và ngày 15/5/2021 (bút lục số 07, 09). Các giấy tờ vay nợ đều có chữ ký của bà L.

Ông Đ trình bày từ khi vay tiền cho đến nay, bà L chưa trả gốc và lãi cho ông theo thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án, bà L vắng mặt không cung cấp văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Theo Biên bản xác minh tại Công an xã B thì bà L có đăng ký thường trú tại ấp H, xã B, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai và hiện đang sinh sống tại địa phương. Tòa án đã tống đạt và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bà L nhưng bà L vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi về việc ông Đ khởi kiện. Vì vậy, có cơ sở khẳng định bà L còn nợ ông Đ số tiền 747.000.000 đồng. Bà L đã không trả tiền vay cho ông Đ như thỏa thuận nên vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn Đ là có cơ sở.

[6.2] Xét yêu cầu về lãi suất thì thấy: Ông Đ cho rằng khi mượn tiền ông Đ bà L đang khó khăn nên ông Đ cho bà L mượn và thỏa thuận tính lãi suất miệng không ghi vào giấy vay nợ. Nay ông Đ yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 15/8/2021 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử (21/9/2022) với lãi suất 10%/năm. Do đó, xác định hợp đồng vay giữa các bên là trường hợp vay có lãi, không kỳ hạn, do bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho ông Đ, do đó căn cứ vào các quy định tại các 466, 468 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông Đ.

Xét thấy, ông Đ và bà L có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không thống nhất về lãi suất nên lãi suất được chấp nhận là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó, số tiền lãi được xác định cụ thể như sau, tiền lãi trên nợ gốc 747.000.000 đồng từ ngày 15/8/2021 đến ngày 21/9/2022 là: 747.000.000 đồng x (10%:365) x 402 = 82.272.000 đồng.

Vậy tổng cộng số tiền gốc và lãi bà L phải trả cho ông Đ là 747.000.000 đồng + 82.272.000 đồng= 829.272.000 đồng (*tám trăm hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng*).

Ông Đ cho rằng bà L vay tiền để mua cám, chăn nuôi heo để phục vụ sinh hoạt trong gia đình. Thời điểm vay nợ ông Đỗ Thanh T là chồng của bà L nên buộc vợ chồng bà L, ông T cùng có trách nhiệm trả nợ là phù hợp với quy định Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Như vậy, buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết L, ông Đỗ Thanh Tphải trả cho ông Vũ Văn Đ số tiền là 829.272.000 đồng (*tám trăm hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng*).

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết L, ông Đỗ Thanh T có nghĩa thanh toán tiền vay cho ông Vũ Văn Đ với số tiền 829.272.000 đồng (*tám trăm hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng*) nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.463.000 đồng (*ba mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi ba ngàn đồn*g)

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 180, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn Đ.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết L, ông Đỗ Thanh T liên đới thanh toán cho ông Vũ Văn Đ số tiền là 829.272.000 đồng (*tám trăm hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết L, ông Đỗ Thanh T phải nộp 37.463.000 đồng (*ba mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi ba ngàn đồn*g) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sư.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huệ